

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

kèm theo

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

ĐÃ THU PHÍ

UBND PHƯỜNG QUYẾT THẮNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 100 Quyển số A9 - SCT/BS
Ngày 03 - 09 - 15



PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Toàn

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	02 – 03
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	04 – 05
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	06 – 09
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 – 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 – 26

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sài Gòn - Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Sài Gòn - Đồng Nai là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602217238 ngày 14 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 2) ngày 28 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 24.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
- Mã số thuế : 3602217238

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Kinh doanh dịch vụ ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Đại lý du lịch: Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định);
- Sản xuất các loại bánh từ bột: Sản xuất bánh mì;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn bia, nước giải khát, nước uống đóng chai, rượu (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ bia, nước giải khát, nước uống đóng chai, rượu (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 26).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Lê Hồng	Chủ tịch	14 tháng 01 năm 2010	-
Bà Dương Thị Nhanh Thúy	Thành viên	14 tháng 01 năm 2010	-
Bà Lê Thị Việt Thư	Thành viên	14 tháng 01 năm 2010	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN – ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2014	-
Bà Dương Thanh Thùy	Tổng Giám đốc	25 tháng 12 năm 2009	02 tháng 01 năm 2014

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT tại thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sài Gòn – Đồng Nai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kế thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Nguyễn Thị Bạch Tuyết
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 03 năm 2015



Số: 071/2015/BCTC-AATHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Công ty Cổ phần Sài Gòn - Đồng Nai

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN – ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Sài Gòn – Đồng Nai, được lập ngày 15 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 26 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

HEAD OFFICE:

Add: R.2407, Building 34T, Trung Hoa - Nhan Chinh Urban,
Hoang Dao Thuy Str., Trung Hoa Ward, Cau Giay Dist., Ha Noi, Vietnam
Ref Office: R1501, Building 17T5, Trung Hoa - Nhan Chinh Urban,
Hoang Dao Thuy Str., Nhan Chinh Ward, Thanh Xuan Dist., Ha Noi, Vietnam
Tel: 84.4.2.2210082 / 84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084
Email: info@aat.com.vn - Website: www.aat.com.vn

HO CHI MINH CITY BRANCH:

Address: R11.5, Block B, Indochina Park Tower,
4 Nguyen Dinh Chieu Str., Da Kao Ward, Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: 84.8.39 11 88 39 - Fax: 84.8.39 11 89 39
Email: aat.hcm@aat.com.vn

Ý kiến chấp nhận toàn phần của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sài Gòn – Đồng Nai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

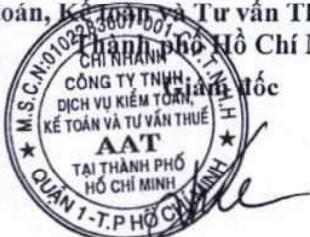
Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh VIII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty tiếp tục lỗ 12.064.449.479 VND làm cho khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 lên đến 29.739.916.509 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 60.954.161.782 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2015

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT tại

Thành phố Hồ Chí Minh



Trương Quang Trung
Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán
Số: 1752-2014-141-1

Kiểm toán viên

Phạm Thị Anh Khoa
Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán
Số: 1521-2014-141-1



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, Quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.200.583.260	9.140.579.534
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		462.051.580	910.349.739
1. Tiền	111	V.1	462.051.580	910.349.739
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		515.001.723	367.419.000
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	245.215.921	239.369.421
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	260.753.765	106.306.535
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		9.032.037	21.743.044
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		6.475.446.007	6.988.721.305
1. Hàng tồn kho	141	V.4	6.475.446.007	6.988.721.305
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		748.083.950	874.089.490
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	226.669.600	657.641.318
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		494.239.223	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	27.175.127	216.448.172

.02.
NG
PH
30
NA
ĐỐT* M.S.C.N.Đ
KÍ
QUÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, Quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		94.334.229.273	89.137.387.585
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		94.135.426.144	88.794.083.100
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	79.091.441.529	39.381.680.017
<i>Nguyên giá</i>	222		84.224.178.827	40.954.823.139
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.132.737.298)	(1.573.143.122)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	15.043.984.615	15.391.300.909
<i>Nguyên giá</i>	228		15.621.883.683	15.621.883.683
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(577.899.068)	(230.582.774)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	34.021.102.174
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		198.803.129	343.304.485
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	198.803.129	343.304.485
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		102.534.812.533	98.277.967.119

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, Quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		108.274.729.042	91.953.434.149
I. Nợ ngắn hạn	310		69.154.745.042	48.231.050.149
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	54.532.343.301	34.444.003.313
2. Phải trả người bán	312	V.11	4.487.009.232	7.088.886.523
3. Người mua trả tiền trước	313		54.648.171	40.750.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	31.924.496	93.454.540
5. Phải trả người lao động	315		335.305.711	700.424.879
6. Chi phí phải trả	316	V.13	8.082.192.431	4.026.079.091
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	1.631.321.700	1.837.451.803
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		39.119.984.000	43.722.384.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	39.119.984.000	43.722.384.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(5.739.916.509)	6.324.532.970
I. Vốn chủ sở hữu	410		(5.739.916.509)	6.324.532.970
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.16	24.000.000.000	24.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.16	(29.739.916.509)	(17.675.467.030)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		102.534.812.533	98.277.967.119

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

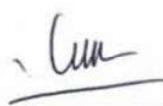
Địa chỉ: Ấp 5, Quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		1.982,29	-
USD		1.837,70	
UC (AUD)		134,42	
SING		10,17	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Nguyễn Xuân Thy
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, Quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(12.064.449.479)	(11.202.049.944)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7, V.8	3.906.910.470	62.263.776
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	8.337.418.000	-
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		179.878.991	(11.139.786.168)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(452.548.901)	19.584.450.631
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		513.275.298	(5.584.341.809)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.688.500.284)	15.020.772.273
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		575.473.074	(1.162.153.770)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.920.333.049)	(3.693.976.007)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(9.792.754.871)	13.024.965.150
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.141.483.276)	(18.641.189.704)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(6.141.483.276)	(18.641.189.704)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, Quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

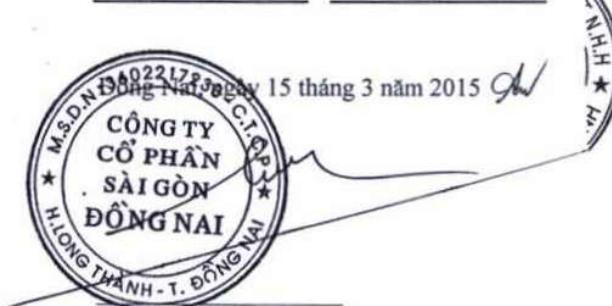
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.10, V.15	42.298.639.988	30.438.282.813
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.10, V.15	(26.812.700.000)	(22.006.592.298)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cỗ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		15.485.939.988	8.431.690.515
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(448.298.159)	2.815.465.961
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	910.349.739	538.269.958
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	462.051.580	3.353.735.919


Nguyễn Xuân Thy
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sài Gòn - Đồng Nai là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602217238 ngày 14 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi gần nhất (lần thứ 2) ngày 28 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 24.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Mã số thuế : 3602217238

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chi tiết: Chế biến thủy hải sản xuất khẩu và Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kinh doanh dịch vụ ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Đại lý du lịch; Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định);
- Sản xuất các loại bánh từ bột: Sản xuất bánh mì;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn bia, nước giải khát, nước uống đóng chai, rượu (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ bia, nước giải khát, nước uống đóng chai, rượu (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính tổng hợp của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp toàn Công ty.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 06

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 45 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

9. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cố tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cố tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÀN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	111.862.779	132.776.719
Tiền gửi ngân hàng	345.866.266	777.573.020
Tiền đang chuyển	4.322.535	-
Cộng	462.051.580	910.349.739

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH P.Dussmann Việt Nam	-	95.266.600
Công ty TNHH Framas Korea Vina	51.208.573	46.234.375
Công ty Cổ phần sữa Việt Nam	45.000.000	45.000.000
Công ty Cổ phần tập đoàn Trung Thủy	74.551.528	19.768.720
Các khách hàng khác	74.455.820	33.099.726
Cộng	245.215.921	239.369.421

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đầu tư Kỹ thuật Xây dựng (ECI)	163.264.237	72.049.915
Công ty Lata	27.500.000	27.500.000
Các nhà cung cấp khác	69.989.528	6.756.620
Cộng	260.753.765	106.306.535

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	101.222.214	159.185.897
Hàng hóa	6.374.223.793	6.829.535.408
Cộng	6.475.446.007	6.988.721.305

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	657.641.318	395.397.111
Phát sinh tăng	394.461.113	1.471.915.479
Tăng theo TT 45/2013/TT-BTC	-	146.617.082
Kết chuyển vào chi phí SXKD	(825.432.831)	(1.356.288.354)
Số cuối năm	226.669.600	657.641.318

6. Tài sản ngắn hạn khác

Là các khoản tạm ứng nhân viên phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	18.175.127	210.448.172
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.000.000	6.000.000
Cộng	27.175.127	216.448.172

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	34.201.198.839	4.249.099.091	2.204.525.209	300.000.000	40.954.823.139
Tăng từ xây dựng cơ bản	39.851.908.426	3.417.447.262	-	-	43.269.355.688
Số cuối năm	74.053.107.265	7.666.546.353	2.204.525.209	300.000.000	84.224.178.827

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn
còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1.296.523.677	16.116.504	169.578.862	90.924.079	1.573.143.122
Khấu hao trong năm	2.635.428.522	704.301.077	169.578.862	50.285.714	3.559.594.176
Số cuối năm	3.931.952.199	720.417.581	339.157.724	141.209.793	5.132.737.298

Giá trị còn lại

Số đầu năm	32.904.675.162	4.232.982.587	2.034.946.347	209.075.921	39.381.680.017
Số cuối năm	70.121.155.066	6.946.128.772	1.865.367.485	158.790.207	79.091.441.529

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng 16.787,6 m² (thửa đất số 647, tờ bản đồ số 41) và quyền sử dụng 10.888,0 m² (thửa đất số 646, tờ bản đồ số 41) thuộc xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	15.621.883.683	(230.582.774)	15.391.300.909
Tăng trong năm	-	(347.316.294)	-
Số cuối năm	15.621.883.683	(577.899.068)	15.043.984.615

Các Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với các Quyền sử dụng đất được cầm cố đảm bảo cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)- Sở giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302612 ngày 07/05/2013.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	343.304.485	1.091.313.252
Phát sinh tăng	222.073.761	140.995.000
Kết chuyển vào chi phí SXKD	(366.575.117)	(889.003.767)
Số cuối năm	198.803.129	343.304.485

10. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)	4.748.713.465	-
Ông Dương Quốc Tiến	49.783.629.836	34.444.003.313
Cộng	54.532.343.301	34.444.003.313

Chi tiết số phát sinh các khoản vay ngắn hạn trong năm:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong năm	Số đã trả trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) ⁽¹⁾	-	4.748.713.465	-	4.748.713.465
Ông Dương Quốc Tiến ⁽²⁾	34.444.003.313	37.549.926.523	(22.210.300.000)	49.783.629.836
Cộng	34.444.003.313	42.298.639.988	(22.210.300.000)	54.532.343.301

⁽¹⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) theo hợp đồng hạn mức số 2000-LAV-201401814 ngày 03 tháng 04 năm 2014. Lãi suất điều chỉnh theo từng lần giải ngân. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

⁽²⁾ Là khoản vay ngắn hạn của ông Dương Quốc Tiến phục vụ cho việc xây dựng các công trình, lãi suất 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH thương mại dịch vụ cơ khí Huỳnh Bằng	3.106.770.238	-
Miss Áo dài Nguyễn Trung Ngạn	1.941.200	4.438.432.498
Cty TNHH Artelia Việt Nam	267.099.580	267.099.580
Công ty cổ phần tập đoàn Trung Thủy	124.880.000	119.215.000
Các nhà cung cấp khác	986.318.214	2.264.139.445
Cộng	4.487.009.232	7.088.886.523

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	76.891.912		(76.891.912)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	16.562.628	87.639.729	(72.277.861)	31.924.496
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	93.454.540	90.639.729	(152.169.773)	31.924.496

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.064.449.479)	(5.350.935.900)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Thu nhập tính thuế	(12.064.449.479)	(5.350.935.900)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	7.748.764.951	3.331.680.000
Tiền điện nước	33.427.480	-
Lương tháng 13	300.000.000	535.800.000
Xây dựng cơ bản dở dang	-	158.599.091
Cộng	8.082.192.431	4.026.079.091

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Tập đoàn Trung Thủy	21.457.058	21.457.058
Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn	955.864.701	1.165.893.926
Phải trả khác	653.999.941	650.100.819
Cộng	1.631.321.700	1.837.451.803

15. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)- Sở giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201302612 ngày 07/05/2013. Số tiền vay 46.360.000.000 VND, mục đích vay đầu tư dự án trạm dừng chân Long Thành - Đồng Nai (giai đoạn 1). Thời hạn giải ngân tối đa đến ngày 31/12/2013, thời gian ân hạn 0 tháng, thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, nợ gốc được trả tối đa không quá 40 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 03 tháng. Lãi suất được điều chỉnh kỳ 3 tháng một lần theo lãi suất Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh.

Khoản vay được đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 729/EIBSD1-TDDN/TCTS/2013 và Hợp đồng thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 730/EIBSGD1-TDDN/TCTS/2013, gồm các tài sản:

- Quyền sử dụng 16.787,6 m² (thửa đất số 647, tờ bản đồ số 41) thuộc xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;
- Quyền sử dụng 10.888,0 m² (thửa đất số 646, tờ bản đồ số 41) thuộc xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;
- Quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với Quyền sử dụng 16.787,6 m² (thửa đất số 647, tờ bản đồ số 41) và Quyền sử dụng 10.888,0 m² (thửa đất số 646, tờ bản đồ số 41) thuộc xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chi tiết số phát sinh khoản vay dài hạn trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	43.722.384.000	33.501.018.000
Số tiền vay trong năm	-	45.220.484.000
Số tiền trả nợ gốc trong năm	(4.602.400.000)	(34.999.118.000)
Số cuối năm	39.119.984.000	43.722.384.000

16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	24.000.000.000	(12.324.531.130)	11.675.468.870
Lợi nhuận trong năm trước	-	(5.350.935.900)	(5.350.935.900)
Số dư cuối năm trước	24.000.000.000	(17.675.467.030)	6.324.532.970
Số dư đầu năm nay	24.000.000.000	(17.675.467.030)	6.324.532.970
Lợi nhuận trong năm nay	-	(12.064.449.479)	(12.064.449.479)
Số dư cuối năm nay	24.000.000.000	(29.739.916.509)	(5.739.916.509)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lê Thị Việt Thư	2.400.000.000	2.400.000.000
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Thủy	15.600.000.000	15.600.000.000
Cộng	24.000.000.000	24.000.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu nhà hàng	16.207.021.943	15.325.636.063
Doanh thu bán hàng hóa	2.876.046.270	10.587.615.896
Doanh thu bán bánh mì	1.353.882.020	2.619.762.575
Doanh thu thuần	20.436.950.233	28.533.014.534

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn nhà hàng	12.611.304.381	10.647.083.021
Giá vốn bán hàng hóa	1.960.777.478	9.238.071.843
Giá vốn bán bánh mì	566.670.763	1.385.444.994
Giá vốn hàng bán	15.138.752.622	21.270.599.858

3. Chi phí tài chính

Là lãi phí vay năm 2014.

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	340.073.154	1.277.095.421
Chi phí vật liệu, bao bì	898.089.105	673.188.814
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	367.997.729	624.846.551
Chi phí khấu hao TSCĐ	71.943.228	52.785.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	180.149.496	51.896.839
Chi phí bằng tiền khác	314.432.893	434.101.296
Cộng	2.172.685.605	3.113.914.629

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.598.202.220	5.000.670.854
Chi phí vật liệu quản lý	491.497.773	1.228.592.356
Chi phí đồ dùng văn phòng	73.827.302	118.164.890
Chi phí khấu hao TSCĐ	575.974.758	258.280.154
Thuế, phí và lệ phí	51.393.467	116.470.211
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.896.622.975	2.737.852.980
Chi phí bằng tiền khác	460.975.689	250.430.968
Cộng	7.148.494.184	9.710.462.413

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ dịch vụ quảng cáo	40.909.091	40.664.000
Thu từ dịch vụ chụp hình cưới	28.300.000	32.800.000
Tiền bồi thường bảo hiểm	100.000.000	-
Thu nhập khác	135.701.422	128.580.174
Cộng	304.910.513	202.044.174

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công nợ phải trả công trình xây dựng	3.106.770.238	894.529.613
Lãi vay chưa thanh toán	4.417.084.951	1.276.324.800
Cộng	7.523.855.189	2.170.854.413

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Thủy	Chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai</i>		
Mua tài sản cố định vô hình	-	15.518.100.183
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Thủy</i>		
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	385.911.700	-
Mua dịch vụ	87.881.166	-
Cộng	473.792.866	15.518.100.183

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Thủy</i>		
Phải thu tiền cung cấp hàng hóa, dịch vụ	74.551.528	19.768.720
Công nợ phải thu	74.551.528	19.768.720
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Trung Thủy</i>		
Phải trả tiền dịch vụ	124.880.000	119.215.000
Phải trả tiền thu chi hộ	21.457.058	21.457.058
Công nợ phải trả	146.337.058	140.672.058

3. Khả năng hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty tiếp tục lỗ 12.064.449.479 VND làm cho khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 lên đến 29.739.916.509 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 60.954.161.782 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, chủ đầu tư và các Công ty khác trong cùng Tập đoàn cam kết hỗ trợ tài chính, hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Sài Gòn – Đồng Nai bằng cách bảo lãnh các khoản nợ vay, không yêu cầu hoàn trả các khoản vay và lãi vay đến hạn thanh toán. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	462.051.580	910.349.739	462.051.580	910.349.739
Phải thu khách hàng	245.215.921	239.369.421	245.215.921	239.369.421
Các khoản phải thu khác	9.032.037	21.743.044	9.032.037	21.743.044
Cộng	716.299.538	1.171.462.204	716.299.538	1.171.462.204

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	4.487.009.232	7.088.886.523	4.487.009.232	7.088.886.523
Phải trả các khoản vay ngắn, dài hạn	93.652.327.301	78.166.387.313	93.652.327.301	78.166.387.313
Chi phí phải trả	8.082.192.431	4.026.079.091	8.082.192.431	4.026.079.091
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31.924.496	93.454.540	31.924.496	93.454.540
Phải trả người lao động	335.305.711	700.424.879	335.305.711	700.424.879
Các khoản phải trả khác	1.631.321.700	1.837.451.803	1.631.321.700	1.837.451.803
Cộng	108.220.080.871	91.912.684.149	108.220.080.871	91.912.684.149

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Ấp 5, quốc lộ 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	4.487.009.232	-	4.487.009.232
Phải trả các khoản vay ngắn, dài hạn	54.532.343.301	39.119.984.000	93.652.327.301
Chi phí phải trả	8.082.192.431	-	8.082.192.431
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31.924.496	-	31.924.496
Phải trả người lao động	335.305.711	-	335.305.711
Các khoản phải trả khác	1.631.321.700	-	1.631.321.700
Cộng	69.100.096.871	39.119.984.000	108.220.080.871
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	7.088.886.523	-	7.088.886.523
Phải trả các khoản vay ngắn, dài hạn	34.444.003.313	43.722.384.000	78.166.387.313
Chi phí phải trả	4.026.079.091	-	4.026.079.091
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	93.454.540	-	93.454.540
Phải trả người lao động	700.424.879	-	700.424.879
Các khoản phải trả khác	1.837.451.803	-	1.837.451.803
Cộng	48.190.300.149	43.722.384.000	91.912.684.149

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN - ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 5, đường Số 51, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

BAO CAO TÀI CHINH

Cho năm tài chinh kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản duyệtt mìnht Bao cáo tài chinh (tiego theo)

Rút ro vè giao khâc

Rút ro vè giao khâc là rút ro mà giao tri hòp lý hòc cắc lùongh tiền trong lai của Công cù tài chinh

se bién dòngh theo nhunng thay doi của giao tri truong ngeoai thay doi của lai suất và ty giao hoi doi.

Nguyễn Xuân Thy
Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Bách Tuyết



Đến ngày 15 tháng 03 năm 2015

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

